

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01 - 2022

Về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Sanh**
2. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Vĩnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Tố T** - Sinh năm 1979. Địa chỉ: 704 T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T** - Sinh năm 1978. Địa chỉ: K528/41 K, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 - 7 - 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Tố T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Tố T và ông Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, do bất đồng tính cách, quan điểm sống và ông Nguyễn Thanh T có quan hệ với người khác nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Nhận thấy mâu

thuần vợ chồng đã quá trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nên bà Trương Thị Tố T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Bà Trương Thị Tố T xác định vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thanh Hoài M, sinh ngày 27 - 5 - 2002 và Nguyễn Thị Thanh C, sinh ngày 15 - 11 - 2006. Do các con chung đã sống với ông Nguyễn Thanh T từ nhỏ, nên khi ly hôn bà Trương Thị Tố T xin để ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thanh C đến tuổi thành niên. Bà Trương Thị Tố T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Nguyễn Thanh T có yêu cầu thì bà sẽ xem xét sau. Riêng con chung Nguyễn Thanh Hoài M đã thành niên nên sống với cha hay mẹ là tùy ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Thanh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Tố T và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trương Thị Tố T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn; giao con chung Nguyễn Thị Thanh C cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trương Thị Tố T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng không mình không có khả năng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa và tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa bà Trương Thị Tố T và ông Nguyễn Thanh T là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Tố T; giao con chung Nguyễn Thị Thanh C sinh năm 2006 cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc bà Trương Thị Tố T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để đảm bảo quyền lợi của con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trương Thị Tố T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh T. Đây là vụ án “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại K528/41 K, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Bà Trương Thị Tố T và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2002; Giấy chứng nhận kết hôn số: 26, đăng ký ngày 18 - 3 - 2002 tại Ủy ban nhân dân phường Hải Châu 2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Tố T: Bà Trương Thị Tố T cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng tính cách cũng như quan điểm sống; ông Nguyễn Thanh T có quan hệ với người khác nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Về phía ông Nguyễn Thanh T, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc bà Trương Thị Tố T xin ly hôn cũng như thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Thanh T không có ý kiến; không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Điều đó chứng tỏ ông Nguyễn Thanh T cũng không có thiện chí và mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trương Thị Tố T và ông Nguyễn Thanh T là trầm trọng, đã sống ly thân nhiều năm, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Trương Thị Tố T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị Tố T và ông Nguyễn Thanh T có hai con chung tên Nguyễn Thanh Hoài M, sinh ngày 27 - 5 - 2002 và Nguyễn Thị Thanh C, sinh ngày 15 - 11 - 2006.

[2.2.1] Đối với con chung Nguyễn Thị Thanh C: Mặc dù cháu C là con gái nhưng đã sống với ông Nguyễn Thanh T và gia đình bên nội từ nhỏ. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cũng như cháu M tại gia đình ông Nguyễn Thanh T trong những năm qua là thực tế. Mặt khác cháu C cũng không có nguyện vọng được ở với bà Trương Thị Tố T. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thị Thanh C cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế cũng như quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên...”*. Đồng thời tại khoản 1 Điều 110 của Luật này cũng quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên...”*. Tại phiên tòa, bà Trương Thị Tố T xác nhận trong thời gian ông Nguyễn Thanh T nuôi con, thỉnh thoảng bà có cho tiền, mua quà cho các con. Tuy nhiên khi ly hôn, bà Trương Thị Tố T sẽ không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng bản thân hiện nay phải nghỉ công việc buôn bán trước đây do dịch bệnh, không có việc làm, không có khả năng cấp dưỡng. Mặc dù ông Nguyễn Thanh T vắng mặt và không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Nhưng xét hoàn cảnh thực tế hiện nay của con chung Nguyễn Thị Thanh C và để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử buộc bà Trương Thị Tố T phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 800.000 đồng, kể từ thời điểm vụ việc được giải quyết cho đến khi con chung đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

[2.2.1] Đối với con chung Nguyễn Thanh Hoài M (sinh ngày 27 - 5 - 2002) đã đủ tuổi thành niên nên sống với cha hay mẹ là tùy ý nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Tố T xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Trương Thị Tố T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” của bà Trương Thị Tố T đối với ông Nguyễn Thanh T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị Tố T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh C, sinh ngày 15 - 11 - 2006 cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc bà Trương Thị Tố T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), kể từ thời điểm vụ việc được giải quyết bằng bản án này cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Trương Thị Tố T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 5600 ngày 16 - 7 - 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trương Thị Tố T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà Trương Thị Tổ T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trương Thị Tổ T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Diện